TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 101/2020/DS-ST Ngày 08-6-2020 V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng bảo lãnh"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thăng.

2. Bà Trần Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay và bảo lãnh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Tuấn K – sinh năm 1960;

HKTT: Ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Tạm trú: Khu phố *, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị Trương Thị Thanh T – sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số *, đường H, Phường *, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Dương Thị Kim L – Văn phòng luật sư K, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1/ Anh Phan Văn T – sinh năm 1984;

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Đ – sinh năm 1954;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Huỳnh Thị Hồng G – sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt tại phiên tòa, Luật sư L có đơn xin vắng mặt;

Bị đơn anh T, bà Đ, chị G vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Đỗ Tuấn K trình bày: Ông có cho vợ chồng anh T, chị G vay tiền và bà Đ là người bảo lãnh nợ vay, cụ thể các lần vay như sau:

+ Lần 1: Ngày 16/02/2019, anh T và chị G vay số tiền 160.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 003%/tháng, thời hạn vay 60 ngày kể từ ngày vay. Đến ngày 23/02/2019 bà Đ có làm giấy bảo lãnh hẹn trong 03 tháng nếu vợ chồng anh T, chị G không trả số tiền 160.000.000 đồng thì bà sẽ trả thay số tiền trên.

+ Lần 2: Ngày 26/4/2019, anh T và chị G vay số tiền 165.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, thời hạn trả vốn là 02 tháng kể từ ngày vay. Cùng ngày 26/4/2019, bà Đ có làm giấy bảo lãnh đối với khoản vay này cho anh T, chị G.

Ngoài ra thì anh T, chị G còn nhiều lần vay tiền (không có sự bảo lãnh của bà Đ) cụ thể:

+ Ngày 19/02/2019, vày 02 khoản là 100.000.000 đồng và 10.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, thời hạn trả vốn 90 ngày, có biên nhận nợ do anh T, chị G ký tên.

+ Ngày 25/4/2019, vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, thời hạn trả vốn là 45 ngày kể từ ngày vay, có biên nhận nợ do chị G ký tên.

+ Ngày 02/6/2019, vay số tiền 18.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, thời hạn trả vốn là 40 ngày kể từ ngày vay, có biên nhận nợ do chị G ký tên.

+ Ngày 02/7/2019, vay số tiền 26.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, thời hạn trả vốn là 15 ngày kể từ ngày vay, có biên nhận nợ do chị G ký tên.

+ Ngày 08/8/2019, vay số tiền 120.378.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, thời hạn trả vốn là 30 ngày kể từ ngày vay, biên nhận nợ do anh T và chị G ký tên.

Tổng số tiền anh T, chị G đã vay của ông là 639.378.000 đồng, trong đó bà Đ bảo lãnh trả 02 khoản vay đối với số tiền 325.000.000 đồng.

Nay ông K khởi kiện yêu cầu anh T, chị G liên đới trả số tiền 314.378.000 đồng đối với các khoản vay không có bảo lãnh; yêu cầu anh T, chị G, bà Đ liên đới trả số tiền 325.000.000 đối đối với 02 khoản vay mà anh T, chị G vay và bà Đ là người bảo lãnh trả nợ.

* Theo bản tự khai bị đơn anh Phan Văn T, chị Huỳnh Thị Hồng G trình bày: Vợ chồng anh chị có vay của chú Đỗ Tuấn K tổng số tiền là sáu trăm mấy chục triệu, vợ chồng anh chị đã mượn số tiền trên trong 05 lần, mục đích mượn tiền để trồng dưa hấu. Nhưng do làm ăn thua lỗ, không thể thu hồi vốn trả cho ông K. Nay vợ chồng anh chị đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của ông K,

nhưng yêu cầu được trả dần số tiền vay nêu trên, trong thời hạn 03 tháng trả vốn một lần và mỗi lần trả là 100.000.000 đồng. Vợ chồng chị đồng ý trả toàn bộ số tiền đã vay của ông K, bao gồm số tiền mà bà Đ đã bảo lãnh cho vợ chồng anh.

*** Tại phiên tòa:**

- Chị T là đại diện ủy quyền của ông K trình bày ông K thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với anh T, chị G, bà Đ. Ông K yêu cầu anh T, chị G trả cho ông tổng số tiền vay là 639.378.000 đồng (trong đó có 325.000.000 đồng bà Đ bảo lãnh nợ cho anh T, chị G) và tiền lãi đối với tổng số tiền trên là 122.322.000 đồng, ông K yêu cầu anh T, chị G trả vốn và lãi làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp anh T, chị G không trả tiền thì ông K yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ trả số tiền vốn 325.000.000 đồng và tiền lãi đối với khoản vay này là 70.135.000 đồng do bà Đ đã bảo lãnh nợ cho anh T, chị G.

- Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông K có đơn xin vắng mặt và gửi văn bản trình bày quan điểm bảo vệ cho ông K: Luật sư phân tích căn cứ khởi kiện của ông K đối với anh T, chị G là các biên nhận nợ do anh T, chị G ký nhận, trong đó số tiền 325.000.000 đồng anh T, chị G đã vay có bà Đ bảo lãnh. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K trong đó đối với khoản vay có bảo lãnh, buộc chị G và anh T trả cho ông K số tiền 325.000.000 và tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng tính từ tháng 4/2019 cho đến khi xét xử, trong trường hợp anh T, chị G không thực hiện trả vốn và lãi thì bà Đ phải có nghĩa vụ trả thay theo quy định pháp luật; đối với khoản vay không bảo lãnh, buộc anh T, chị G trả cho ông K số tiền vốn 314.378.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 08/8/2019 cho đến khi xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông K khởi kiện yêu cầu anh T, chị G trả số tiền 314.378.000 đồng đối với các khoản mà anh T, chị G đã vay, đồng thời yêu cầu anh T, chị G, bà Đ liên đới trả số tiền 325.000.000 đồng mà anh T, chị G đã vay có bà Đ bảo lãnh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Bảo lãnh theo quy định tại Điều 463 và Điều 335 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đối với anh T, chị G, bà Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng anh T, chị G, bà Đ vắng mặt không tham gia phiên toàn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị G, bà Đ.

[3] Tại phiên tòa, chị T đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông K trình bày ông K thay đổi yêu cầu khởi kiện ban đầu, ông K yêu cầu anh T, chị G trả cho ông tổng số tiền vay là 639.378.000 đồng (trong đó có 325.000.000 đồng bà Đ bảo lãnh nợ cho anh T, chị G) và tiền lãi đối với số tiền trên là 122.322.000 đồng, ông K yêu cầu anh T, chị G trả vốn và lãi làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp anh T, chị G không trả tiền thì ông K yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ trả số tiền vốn 325.000.000 đồng và tiền lãi đối với khoản vay này là 70.135.000 đồng do bà Đ đã bảo lãnh nợ cho anh T, chị G. Hội đồng xét xử xét thấy thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông K đối với anh T, chị G, bà Đ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông K đối với anh T, chị G, bà Đ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông K đòi anh T, chị G trả tổng số tiền vay 639.378.000 đồng theo các biên nhận nợ ngày 16/02/2019 với số tiền 160.000.000 đồng, 02 biên nhận ngày 19/02/2019 với số tiền 10.000.000 đồng và 100.000.000 đồng, biên nhận ngày 25/4/20219 với số tiền 40.000.000 đồng, biên nhận ngày 26/4/2019 với số tiền 165.000.000 đồng, biên nhận ngày 02/6/2019 với số tiền 18.000.000 đồng, biên nhận 02/7/2019 với số tiền 26.000.000 đồng, biên nhận ngày 08/8/2019 với số tiền 120.378.000 đồng. Bị đơn anh T, chị G thừa nhận còn nợ ông K tổng số tiền hơn sáu trăm mấy chục triệu đồng, mượn trong 05 lần để đi trồng dưa hấu, nay vợ chồng chị đồng ý trả số tiền vốn nêu trên cho ông K. Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày 16/02/2019 đến ngày 08/8/2019 anh T, chị G đã vay của ông K tổng số tiền 639.378.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 03%/tháng và thời hạn vay từ 15 ngày đến 90 ngày kể từ ngày vay, hiện nay anh T, chị G vẫn còn nợ ông K tổng số tiền 639.378.000 đồng nên anh T, chị G đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K đòi anh T, chị G trả tổng số tiền vay 639.378.000 đồng.

[5] Về yêu cầu tính lãi: Ông K yêu cầu anh T, chị G trả lãi đối với số tiền trên theo mức lãi suất quy định của Nhà nước với tổng số tiền lãi là 122.322.000 đồng, cụ thể đối với số tiền 325.000.000 đồng (bà Đ bảo lãnh) tính lãi từ ngày 26/4/2019 cho đến khi Tòa án xét xử, với mức lãi suất 1,66%/tháng, số tiền lãi là 70.135.000; đối với số tiền 314.378.000 đồng (không bảo lãnh), tính lãi từ ngày 08/8/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử, với mức lãi suất 1,66%/tháng, số tiền lãi là 52.187.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất vay, nhưng quá trình vay anh T, chị G không trả lãi theo thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi, ông K yêu cầu anh T, chị G trả lãi theo quy định pháp luật là có căn cứ và phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông K đòi anh T, chị G trả tổng số tiền lãi 122.322.000 đồng.

[6] Về thời gian trả: Ông K yêu cầu anh T, chị G trả vốn và lãi làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn anh T, chị G yêu cầu được trả dần số tiền vốn mà vợ chồng anh chị còn nợ ông K. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của ông K không đồng ý cho anh T, chị G trả dần số tiền vốn còn nợ ông K. Hội đồng xét xử xét thấy, khi vay giữa hai bên thỏa thuận thời hạn vay từ 15 ngày

đến 90 ngày, nhưng cho đến nay anh T, chị G không trả tiền đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông K đòi anh T, chị G trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của ông K yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ trả số tiền 325.000.000 đồng mà bà đã bảo lãnh cho anh T, chị G và trả số tiền lãi 70.135.000 đồng đối với số tiền trên trong trường hợp anh T, chị G không thực hiện nghĩa vụ trả tiền và lãi cho ông K. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Đ đã ký bảo lãnh nợ đối với tổng số tiền 325.000.000 đồng theo biên nhận ngày 16/02/2019 và ngày 26/4/2019 mà anh T, chị G đã vay của ông K, trong trường hợp anh T, chị G không trả số tiền nêu trên hoặc trả không đầy đủ thì bà Đ phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông K trong phạm vi bà Đ bảo lãnh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K đối với bà Đ.

[8] Xét ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn ông K đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K. Hội đồng xét xử xét thấy những phân tích và đề nghị của luật sư phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của luật sư.

[9] Về án phí: Anh T, chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 335, Điều 342, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tuấn K đối với anh Phan Văn T, chị Huỳnh Thị Hồng G về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh T, chị G liên đới trả cho ông K tổng số tiền vốn vay là 639.378.000 đồng và tiền lãi là 122.322.000 đồng, thực hiện trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T, chị G chậm trả số tiền nêu trên thì anh T, chị G còn phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tuấn K đối với bà Nguyễn Thị Đồng về tranh chấp hợp đồng bảo lãnh.

Trong trường hợp anh T, chị G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả cho ông K số tiền 325.000.000 đồng và tiền lãi 70.135.000 đồng thì bà Đ có nghĩa vụ trả cho ông K số tiền anh T, chị G có nghĩa vụ trả trong phạm vi bảo lãnh của số tiền 325.000.000 đồng.

3/ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2020/QĐ-BPKCTT ngày 13/02/2020 phong tỏa tài sản của chị G là phần đất diện tích 340,7m^2, thuộc thửa số *, tờ bản đồ số *, đất tọa lạc ấp B, xã T, huyện G bị hủy bỏ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

4/ Án phí: Anh T, chị G phải chịu 34.468.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông K số tiền 15.431.440 đồng tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai số 0016122 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

5/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh